TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06/12/2023
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Bà Nguyễn Thị Út

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc *"Xin ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 172/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số H ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2023 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Trước đây chị M và anh Nguyễn Thành T đã ly hôn với nhau theo Quyết định thuận tình ly hôn số 89/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Sau đó chị M và anh T đã hàn gắn, quay lại tiếp tục

chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng khi quay lại chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Lúc trước hai vợ chồng sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, khoảng 3-4 tháng nay anh chị đã trở về quê nhưng không chung sống với nhau mà mỗi người ở nhà riêng, không ở chung với nhau nữa. Hiện chị M đang sống ở nhà mẹ ruột của chị còn anh T sống ở nhà riêng của anh T.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 24/5/2021. Hiện cháu H đang sống với chị M, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản hòa giải ngày 21/11/2023 của Tòa án bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị M về quan hệ hôn nhân. Anh và chị M chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng anh chị cũng có những mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày không thể hòa giải được. Hiện anh cũng không còn tình cảm với chị M và cũng không muốn đoàn tụ với chị M nữa. Nay theo yêu cầu của chị M thì anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 24/5/2021. Khi ly hôn anh T đồng ý giao con cho chị M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 21/11/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Nguyễn Thành T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thành T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thành T tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị M và anh T không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình là không có giá trị về mặt pháp lý.

Xét yêu cầu ly hôn của chị M: Chị M trình bày trong thời gian chung sống chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, hiện anh chị đã không còn chung sống với nhau và cũng không còn tình cảm với nhau nữa.

Xét thấy chị M và anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng các đương sự vẫn không hòa giải được với nhau, cả hai đều không có ý định hàn gắn hôn nhân, điều này thể hiện anh T và chị M đã không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình. Hai người xác định không còn tình cảm với nhau và kiên quyết ly hôn, chị M và anh T cũng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên việc chị M yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Căn cứ theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thành T.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 24/5/2021. Xét cháu H đã được chị M chăm sóc từ trước đến nay. Anh T cũng thống nhất giao cháu H cho chị M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu H cho chị M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình

Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 24/5/2021 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Thành T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thành T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000553 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị M đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 01;Lưu hồ sơ vụ án: 04.

Ngô Thị Mai Ka